

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 25-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp
hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đồ.
- Ông Võ Đức Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2024/TLST-DS, ngày 29/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS, ngày 04/02/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 và ông Dương Văn T1, sinh năm 1971. Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1965 và ông Lê Văn C, sinh năm 1959. Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà T, ông C, bà L có mặt, ông T1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Dương Văn T1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung như sau:

Vợ chồng bà T, ông T1 và vợ chồng ông Lê Văn C, bà Bùi Thị Ngọc L ở cùng ấp C, xã L, huyện T nên có quen biết nhau. Vợ chồng bà T, ông T1 làm chủ hụi 02 dây hụi có vợ chồng ông C, bà L tham gia, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hụi giá 10.000.000 đồng, hụi mùa 04 tháng khai một lần vào các ngày 15/4, 15/8 và 15/11, hụi mở lần đầu vào ngày 15/4/2022 (âm lịch), hụi huê hồng 3.000.000 đồng, hụi có tổng 16 phần, bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C tham gia 02 phần tên "Mợ 7 Cánh" số thứ tự là 08 và 09. Bà L, ông C đã hốt 01 phần hụi ở kỳ đầu tiên (tức ngày 15/4/2022 âm lịch) bỏ phiếu 3.000.000 đồng, mỗi phần đóng 7.000.000 đồng x 14 phần (đã trừ bà L, ông C 02 phần) = 98.000.000 đồng trừ tiền huê hồng 3.000.000 đồng, vợ chồng bà T, ông T1 đã giao đủ cho bà L, ông C 95.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà L, ông C đóng được 05 kỳ hụi (tương ứng đến ngày 15/11/2023) thì ngưng cho đến nay. Tính tới ngày khởi kiện lần đầu vợ chồng bà T, ông T1 đã đóng thay 02 kỳ (mở ngày 15/4/2024 và ngày 15/8/2024) cho một phần hụi chết x 10.000.000 đồng = 20.000.000 đồng. Quá trình khởi kiện bà T, ông T1 khởi kiện bổ sung thêm 01 kỳ hụi (mở ngày 15/11/2024) giá 10.000.000 đồng. Về phần hụi chưa hốt của bà L ông C, khi bà L, ông C ngưng đóng hụi thì các hụi viên thống nhất không gom nên phần này vợ chồng bà T, ông T1 không yêu cầu giải quyết. Hụi này tới ngày 15/4/2027 âm lịch mới mãn.

- Dây thứ hai: Hụi giá 3.000.000 đồng, hụi mỗi tháng khai một lần, hụi mở ngày đầu tiên là ngày 10/6/2023, hụi huê hồng 900.000 đồng, hụi có tổng 24 phần, ông Lê Văn C, bà Bùi Thị Ngọc L tham gia 02 phần tên "7 Cánh" số thứ tự là 03 và 04. Ông Lê Văn C, bà Bùi Thị Ngọc L đã hốt 01 phần hụi ở kỳ đầu tiên (tức ngày 10/6/2023) bỏ phiếu 600.000 đồng, mỗi phần đóng 2.400.000 đồng x 22 phần = 52.800.000 đồng, trừ tiền huê hồng 900.000 đồng, vợ chồng bà T, ông T1 đã giao đủ số tiền 51.900.000 đồng cho bà L, ông C. Sau khi hốt hụi thì bà L, ông C đóng được 09 kỳ hụi tức đến ngày 10/3/2024 thì ngưng cho đến nay. Tính tới ngày khởi kiện lần đầu vợ chồng bà T, ông T1 đã đóng thay 09 kỳ cho một phần hụi chết x 3.000.000 đồng = 27.000.000 đồng. Quá trình khởi kiện bà T, ông T1 khởi kiện bổ sung thêm 01 kỳ hụi chết giá 3.000.000 đồng (kỳ thứ 19 khai ngày 10/12/2024), như vậy ở đây hụi này vợ chồng bà T, ông T1 đã đóng thay cho vợ chồng bà L, ông C 10 kỳ hụi chết tương ứng số tiền 30.000.000 đồng. Về phần hụi chưa hốt của bà L ông C, khi bà L, ông C ngưng đóng hụi thì các hụi viên thống nhất không gom nên phần này vợ chồng bà T, ông T1 không yêu cầu giải quyết. Hụi này tới ngày 10/5/2025 mới mãn.

Như vậy tổng hai dây hụi trên vợ chồng bà T, ông T1 đã đóng thay cho bà L, ông C 60.000.000 đồng, bà L, ông C chưa trả lại cho vợ chồng bà T, ông T1 số tiền này.

Ngoài ra, vào ngày 12/12/2023, ông bà Lê Văn C, Bùi Thị Ngọc L có mượn số tiền 20.000.000 đồng, hẹn 01 tháng trả lại, có làm giấy mượn tiền viết tay, do mượn dở 01 tháng nên không thỏa thuận lãi. Tuy nhiên, đến hẹn bà L, ông C cũng không trả số tiền này cho vợ chồng bà T, ông T1. Tháng 03/2024 đến nay, vợ chồng bà T, ông T1 đã đến nhà nhiều lần để yêu cầu ông C, bà L trả lại số tiền nợ nhưng ông bà

trên hứa nhiều lần nhưng không thực hiện và cũng không có phương án trả dần số tiền cho vợ chồng bà T, ông T1. Do đó, về tiền vay vợ chồng bà T, ông T1 yêu cầu bà L, ông Cảnh T2 lại tiền gốc là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 13/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0.83%/tháng.

Tại phiên hòa giải ngày 16/01/2025, bà T, ông T1 đồng ý cho bà L, ông C hoàn trả tổng số tiền 83.000.000 đồng, thời gian trả tiền là từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến hết ngày 30/4/2025 nhưng bà L, ông C đã thay đổi ý kiến.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C liên đới trả cho vợ chồng bà T, ông T1 số tiền hụi là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiền hụi, yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C trả tiền gốc vay là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 13/01/2024 đến ngày 25/02/2025 là 13 tháng 12 ngày với lãi suất 0.83%/tháng = 2.224.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C liên đới hoàn trả là 82.224.000 đồng. Bà T không đồng ý cho bà L, ông C trong thời hạn 01 năm hoàn trả hết số tiền 82.224.000 đồng, chỉ đồng ý cho bị đơn trong vòng 03 tháng hoàn trả hết số tiền này. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung như sau:

Vợ chồng bà L, ông C thừa nhận tính đến ngày 25/02/2025, vợ chồng bà L, ông C còn thiếu nợ hụi số tiền 60.000.000 đồng và số tiền vay 20.000.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn. Nhưng ngoài ra, vợ chồng bà L, ông C còn chơi 01 phần hụi trong dây hụi 10.000.000 đồng và 01 phần hụi trong dây hụi 3.000.000 đồng mà nguyên đơn đã trình bày. Phần hụi 10.000.000 đồng vợ chồng bà L, ông C đã đóng được 6 lần với số tiền 42.000.000 đồng, phần hụi 3.000.000 đồng vợ chồng bà L, ông C đã đóng được 10 lần với số tiền 24.000.000 đồng. Tổng số tiền 02 dây hụi này vợ chồng bà L, ông C đã đóng được cho ông T1, bà T số tiền 66.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 16/01/2025, vợ chồng bà L, ông C trình bày do không có khả năng đóng hụi từng tháng nên yêu cầu nguyên đơn cản trừ 02 dây hụi sống đã đóng, sau đó vợ chồng bà L, ông C sẽ trả toàn bộ số tiền hụi chết còn phải đóng đến khi hụi mãn là 63.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền vay. Thời gian trả tiền là từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến hết ngày 30/4/2025.

Tại phiên tòa, bà L, ông C đề nghị được rút lại yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà T, ông T1 hoàn trả số tiền hụi đã đóng là 66.000.000 đồng, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T1 khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C liên đới trả cho vợ chồng bà T, ông T1 số tiền hụi là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiền hụi, yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C trả tiền gốc vay là 20.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 13/01/2024 đến ngày 25/02/2025 là 13 tháng 12 ngày với lãi suất 0.83%/tháng = 2.224.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Bùi Thị

Ngọc L, ông Lê Văn C liên đới hoàn trả là 82.224.000 đồng thì bà L, ông C đồng ý nhưng đề nghị bà T, ông T1 cho thời gian trong vòng 01 năm sẽ hoàn trả hết số tiền này. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

Ngày 16/01/2025, Tòa án tiến hành hòa giải thành với nội dung bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Dương Văn T1 tổng số tiền là 83.000.000 đồng (trong đó tiền hụi là 63.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền vay), tuy nhiên đến ngày 21/01/2025, bà L, ông C thay đổi ý kiến tại biên bản hòa giải thành ngày 16/01/2025 nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị T, ông Dương Văn T1 khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C liên đới hoàn trả tổng số tiền là 82.224.000 đồng, trong đó tiền hụi là 60.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi tiền hụi), tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi vay là 2.224.000 đồng. Bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C đang cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*".

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt ông Dương Văn T1, tuy nhiên ông T1 có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố về việc buộc ông Dương Văn T1, bà Nguyễn Thị T trả lại tổng số tiền hụi đã đóng 66.000.000 đồng ở hai dây hụi cụ thể: Dây hụi giá 10.000.000 đồng, mở ngày đầu tiên là ngày 15/4/2022 âm lịch, vợ chồng bà L, ông C đã đóng được 06 kỳ với số tiền 42.000.000 đồng; Dây hụi giá 3.000.000 đồng, mở ngày đầu tiên là ngày 10/6/2023, vợ chồng bà L, ông C đã đóng được 10 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng. Việc rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

Về quyền khởi kiện: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1

Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, ông Dương Văn T1 yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C liên đới hoàn trả tổng số tiền 82.224.000 đồng (trong đó tiền gốc vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 2.224.000 đồng và 60.000.000 đồng tiền hụi). Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất được số tiền mà bị đơn bà L, ông C còn nợ bà T, ông T1 là 82.224.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày 13/01/2024 đến ngày 25/02/2025 là 13 tháng 12 ngày với lãi suất 0.83%/tháng = 2.224.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/12/2023 và 60.000.000 đồng tiền hụi mà bà T, ông T1 đã đóng thay cho bà L, ông C ở hai dây hụi, cụ thể: 03 kỳ hụi (từ kỳ hụi thứ 07 mở ngày 15/4/2024 âm lịch đến kỳ hụi thứ 09 mở ngày 15/11/2024 âm lịch) đối với 01 phần hụi đã hốt tương ứng số tiền 30.000.000 đồng của dây hụi giá 10.000.000 đồng, mở ngày đầu tiên là ngày 15/4/2022 âm lịch và bà T, ông T1 đã đóng thay 10 kỳ hụi (từ kỳ hụi thứ 10 mở ngày 10/3/2024 đến kỳ hụi thứ 19 mở ngày 10/12/2024) đối với 01 phần hụi đã hốt tương ứng số tiền 30.000.000 đồng của dây hụi giá 3.000.000 đồng, mở ngày đầu tiên là ngày 10/6/2023.

Tại phiên tòa, bà L, ông C đề nghị bà T, ông T1 cho ông bà trong vòng 01 năm sẽ hoàn trả toàn bộ số nợ này cho bà T, ông T1 nhưng bà T, ông T1 không chấp nhận, đồng thời theo quy định của pháp luật không có quy định cho trả dần.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T1 là có cơ sở chấp nhận toàn bộ nên buộc bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C phải liên đới hoàn trả tổng số tiền là 82.224.000 đồng (Trong đó: Tiền gốc vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi vay là 2.224.000 đồng, tiền hụi đã đóng thay là 60.000.000 đồng) cho bà T, ông T1 theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biếu, phụng của Chính Phủ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án buộc bà L, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 4.111.200 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà L, ông C đã nộp sang thi hành án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà bà T, ông T1 đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 244, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Dương Văn T1 trả lại số tiền hụi đã đóng là 66.000.000 đồng.

Về quyền khởi kiện: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, ông Dương Văn T1 đối với bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Dương Văn T1 tổng số tiền 82.224.000 (T3 mươi hai triệu, hai trăm hai mươi bốn ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Bùi Thị Ngọc L, ông Lê Văn C phải chịu 4.111.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 1.725.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L, ông C đã nộp theo biên lai thu số 0009438 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, buộc bà L, ông C phải nộp thêm 2.386.200 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T, ông Dương Văn T1 325.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009411 ngày 23/12/2024 và 1.641.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009351 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2025). Riêng ông T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Quân